

Bản án số: 274/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhoán;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương;
2. Bà Nguyễn Thị Liên Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Lữ – thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 866/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 09 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Đường Đ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Đường L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Ninh Thị P, sinh năm 1967. Địa chỉ: Đường Đ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông và bà P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 1/97, cấp ngày 04/3/1997 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian sống chung, cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề: Mâu thuẫn về cách nuôi dạy con cái, khi cần dạy dỗ con thì bà P không đồng ý, bênh con, dạy con chống đối lại ông nên ông và bà P sống chung luôn căng thẳng, thường xuyên cãi vã nhau; quan điểm sống khác nhau, bà P không tôn trọng ông, gia đình chồng và bạn bè của ông. Đến năm 2011, mâu thuẫn gay gắt, vợ chồng sống chung nhà nhưng không còn ăn chung, không còn

sự quan tâm, không còn sự chia sẻ, mạnh ai nấy sống. Đến năm 2012 thì ông và bà P ly thân. Ông xác định không còn tình cảm đối với bà P, sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn nên ông yêu cầu xin ly hôn bà P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 04/12/1997, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Ninh Thị P trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà và ông T chung sống với nhau tại số nhà đường Đ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng sau khi đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do con trai Nguyễn Thành P bị bệnh co giật thần kinh, thường xuyên phá phách, nói tục chửi thề. Bà vì bệnh con, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông T còn đánh đập vợ con, có quan hệ với người khác, ông T và gia đình chồng không tôn trọng bà và con. Từ năm 2012 đến nay, ông T không đưa lương cho bà, bà vẫn tự đi làm nuôi con thành đạt. Năm 2016, bà và ông T chung sống với nhau không còn hạnh phúc nữa, bà và ông T đã sống ly thân, trong thời gian ly thân bà vẫn một lòng lo cho chồng cho con. Từ năm 2017 đến nay, ông T tự ăn riêng. Bà không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với ông T, muốn cho con có đầy đủ cả ba và mẹ.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 04/12/1997, đã thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà P. Bà P không đồng ý ly hôn. Cả hai thống nhất về con chung đã thành niên; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Thành T có đơn yêu cầu ly hôn với bà Ninh Thị P, địa chỉ: đường Đ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 1/97, cấp ngày 04/3/1997 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành T và bà Ninh Thị P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T cương quyết xin ly hôn với bà P do quan điểm và cách sống có khác nhau, bất đồng ý kiến về quan điểm nuôi dạy con, bà P không tôn trọng ông, gia đình chồng và bạn bè ông, vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Phía bà P không đồng ý ly hôn vì bà P cho rằng có mâu thuẫn nhưng bà còn tình cảm với ông T, bà có thể bỏ qua hết để con có đủ cả ba và mẹ. Qua trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy trình bày của các đương sự khác nhau về mâu thuẫn vợ chồng nhưng bà P cũng thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống chung không hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, bà P cũng không có biện pháp gì hàn gắn, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà P không cải thiện, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà Ninh Thị P.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 04/12/1997, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà P yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông T và bà P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Hội đồng xét xử Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T:
 - Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T được ly hôn bà Ninh Thị P.
 - Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành P, sinh ngày 04/12/1997, đã thành niên.
 - Về tài sản chung: Ông T và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về nợ chung: Ông T và bà P khai không có.
3. Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tạm ứng án phí do ông T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008951 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.
4. Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.
5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nhoán